

CL-FISH CORP.



GLOBALG.A.P.
The Global Partnership for Good Agricultural Practice

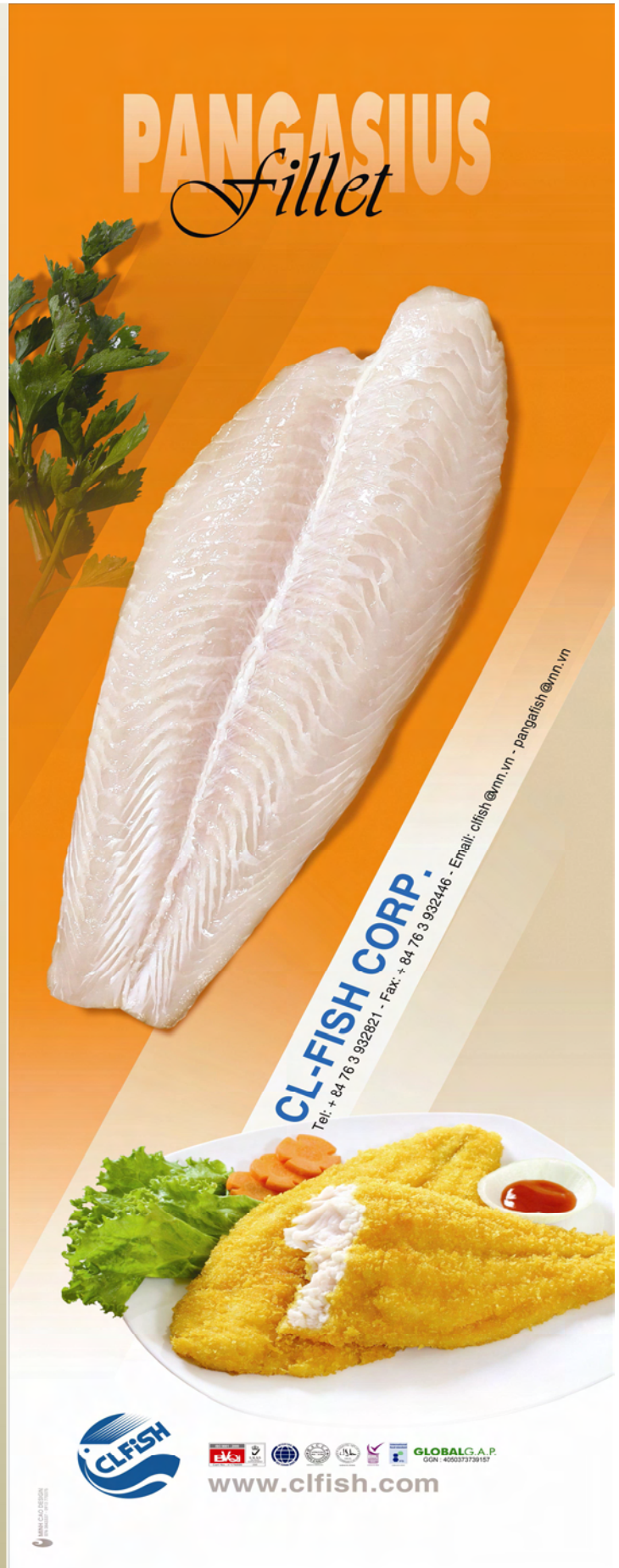


*BÁO
CÁO
THƯỜNG
NIÊN
NĂM
2013*

I. THÔNG TIN CHUNG:

1. Thông tin khái quát:

- ❖ Tên Công ty : **CÔNG TY CP XNK THỦY SẢN CỬU LONG AN GIANG**
- ❖ Tên giao dịch: **CUULONG FISH JOINT STOCK COMPANY.**
- ❖ Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: **1600680398**
- ❖ Vốn điều lệ:
183.996.750.000 đồng
- ❖ Vốn đầu tư của chủ sở hữu:
183.996.750.000 đồng
- ❖ Địa chỉ: **90 Hùng Vương, Khóm Mỹ Thọ, P. Mỹ Quý, Tp. Long Xuyên, Tỉnh An Giang**
- ❖ Số điện thoại: **(84-76) 3931000 – 3935828**
- ❖ Số fax: **(84-76) 3932446 – 3932099**
- ❖ Website: www.clfish.com
- ❖ Mã cổ phiếu: **ACL**



PANGASIU
Fillet

CL-FISH CORP.
Tel: +84 76 3 932821 - Fax: +84 76 3 932446 - Email: clfish@mn.vn - pangafish@mn.vn

CLFISH
www.clfish.com

GLOBAL G.A.P.
GÚN: 4050373739157

2. Quá trình hình thành và phát triển:



- ❖ Năm 2003 các thành viên gia đình đã thành lập Công ty TNHH XNK Thủy sản Cửu Long An Giang, theo giấy chứng đăng ký kinh doanh Số 5202000209 do Sở kế hoạch và Đầu tư Tỉnh An giang cấp ngày 05/03/2003 (Vốn điều lệ là 22 tỷ đồng)
- ❖ Tháng 02/2005 Cty TNHH XNK TS Cửu Long An Giang chính thức đi vào hoạt động với Vốn điều lệ 22 tỷ đồng.
- ❖ Tháng 04/2007 Cty TNHH XNK Thủy Sản Cửu Long An Giang chuyển đổi sang Cty Cổ Phần XNK Thủy Sản Cửu Long An Giang.
- ❖ Tháng 09/2007 Công ty chính thức niêm yết tại Sở GDCK Tp. HCM. Tại thời điểm chuyển đổi Vốn điều lệ: 90 tỷ đồng.
- ❖ Tháng 07/2010 Công ty phát hành thêm 2.000.000 Cổ phiếu, nâng Vốn điều lệ lên 110 tỷ đồng.
- ❖ Tháng 10/2011 Công ty phát hành thêm Cổ phiếu thưởng nâng Vốn điều lệ 183.996.750.000 đồng.



Năm 2013, đánh dấu 10 năm thành lập Công ty CP XNK Thủy Sản Cửu Long An Giang.

10 năm trước, từ một gia đình chuyên nuôi trồng thủy sản, ngay những ngày đầu tiên của phong trào nuôi Cá tra, Basa theo mô hình Công nghiệp tại An Giang năm 1986.

Năm 2003, các thành viên trong gia đình đã thành lập Cty TNHH XNK Thủy Sản Cửu Long An Giang, theo giấy chứng đăng ký kinh doanh Số 5202000209 do Sở kế hoạch và Đầu tư Tỉnh An Giang cấp ngày 05/03/2003 (Vốn điều lệ là 22 tỷ đồng). Từ công suất ban đầu chỉ 50 tấn cá nguyên liệu/1 ngày, với khoảng 600 Công nhân thì hiện nay sản lượng đã tăng lên 200 tấn cá nguyên liệu/1 ngày, với khoảng 2.500 công nhân trực tiếp sản xuất và 150 CB-CNV.

Có hơn 25 năm kinh nghiệm nuôi trồng và chế biến thủy sản, với tầm nhìn và chiến lược phát triển bền vững, suốt 10 năm qua từ một Công ty gia đình, CL-Fish đã không ngừng nâng cao năng lực sản xuất, cả về số lượng và chất lượng, nhiều năm liền CL-FISH luôn duy trì vị thế dẫn đầu các Doanh nghiệp xuất khẩu cá tra lớn nhất Việt Nam. Sản phẩm của Công ty hiện có mặt ở hơn 70 nước và khu vực trên thế giới. Những thị trường chính là Trung Đông, Châu Âu, Úc, Châu Mỹ, Mỹ... và ngày càng có tiếng tốt trên thị trường, chinh phục được lòng tin của người tiêu dùng trong nước và quốc tế.



CL-Fish hình thành theo định hướng phát triển bền vững. Để chất lượng được nâng cao đòi hỏi phải chuyên nghiệp trong sản xuất theo chiều sâu mang tính đồng bộ, hình thành và mở rộng liên kết sản xuất tăng cường khả năng truy xuất của sản phẩm.

Năm 2010, CL-Fish bắt đầu đẩy mạnh phát triển vùng nguyên liệu, tập trung tại hai tỉnh An Giang và Đồng Tháp. Nông trại của CL-Fish là một trong những nông trại lớn nhất vùng, luôn đáp ứng đến hơn 60% sản lượng Cá Tra nguyên liệu dùng cho chế biến xuất khẩu tại nhà máy. Trong suốt thời gian nuôi, tất cả các nguyên liệu đầu vào như kháng sinh, thuốc, thức ăn... đều được kiểm soát và chuẩn hóa nghiêm ngặt, toàn bộ quy trình nuôi

trồng được áp dụng theo tiêu chuẩn quốc tế: GLOBAL-GAP, BAP, ASC...

Tháng 04/2013 CL-Fish đưa nhà máy sản xuất thức ăn vào hoạt động, có công suất 50.000 tấn/1 năm, với những máy móc hiện đại, được kiểm tra nghiêm ngặt.

Việc nhà máy thức ăn thủy sản hoạt động đã kiểm soát được chất lượng thức ăn phục vụ cho vùng nuôi của Công ty, hoàn tất chuỗi sản xuất khép kín từ thức ăn, nguyên liệu, chế biến...vừa tiết kiệm được chi phí nuôi, giúp nhà máy giảm giá vốn bán hàng và tăng biên độ lợi nhuận gộp cho Công ty trong thời gian tới.



GLOBALG.A.P.
The Global Partnership for Good Agricultural Practice



Các sự kiện quan trọng đánh dấu sự phát triển bền vững của CL-Fish:

- ✧ 02/2005: Cty TNHH XNK Thủy sản Cửu Long An giang chính thức đi vào hoạt động.
- ✧ 04/2007: chuyển đổi sang Cty Cổ Phần XNK Thủy Sản Cửu Long An Giang.
- ✧ 09/2007: Niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán Tp. HCM
- ✧ 06/2009: Đưa nhà máy thứ hai đi vào hoạt động.
- ✧ 05/2011: Trại nuôi CL –Fish đón nhận giấy chứng nhận Global Gap do Bureau Veritas cấp
- ✧ 03/2011: Đạt mức thuế suất **0%** vào thị trường Mỹ đồng thời Cty cũng là 1 trong 3 doanh nghiệp được phép xuất khẩu vào thị trường Braxin.
- ✧ 03/2012: Sáp nhập Cty CP Chế biến thức ăn thủy sản vào Cty CP XNK Thủy Sản Cửu Long An Giang.
- ✧ 08/2012: CL-Fish nhận giấy chứng nhận thực hành nuôi trồng thủy sản tốt nhất (tiêu chuẩn Bap-Best Aquaculture Practice) với cấp độ **“2 sao”** cho nhà máy chế biến và vùng nuôi do GAA (liên minh thủy sản toàn cầu) cấp. Đây là tiêu chuẩn được sự chọn lựa của rất nhiều nhà phân phối bán lẻ ở Mỹ.
- ✧ 09/2012: đánh giá thành công ISO 22000; BRC và IFS Phiên bản 6.
- ✧ Tháng 04/2013 nhà máy chế biến thức ăn thủy sản của CL-Fish đi vào hoạt động, hướng đến qui trình sản xuất khép kín từ sản xuất thức ăn, nuôi trồng, chế biến xuất khẩu.
- ✧ Tháng 07/2013 Công ty đạt chứng nhận ASC. ASC là sự xác nhận cấp quốc tế đối với thủy sản được nuôi có trách nhiệm, giảm thiểu tối đa tác động xấu lên môi trường, hệ sinh thái, cộng đồng dân cư và đảm bảo tốt các quy định về lao động.

3. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh:

Công ty hoạt động chính trong lĩnh vực: Khai thác, nuôi trồng và chế biến thủy sản xuất khẩu.

❖ **Sản phẩm chính** : Cá tra Fillet

❖ **Địa bàn kinh doanh** :

1. Địa chỉ trụ sở chính: Số 90 Hùng Vương, Khóm Mỹ Thọ, P. Mỹ Quý, Tp Long Xuyên, Tỉnh An Giang.
2. Địa bàn nuôi trồng thủy sản: tập trung tại các tỉnh An Giang và Đồng Tháp.

4. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý:

a) Mô hình quản trị:

Mô hình quản trị của Cty bao gồm:

- Đại hội đồng cổ đông
- Ban kiểm soát
- Hội đồng quản trị
- Ban Tổng Giám Đốc
- Các phòng ban chức năng

b) Cơ cấu bộ máy quản lý:

- Ban Giám đốc
- Phòng Tổ chức hành chánh
- Phòng Kế toán
- Phòng Kinh doanh
- Phòng Công nghệ
- Phòng Điều hành sản xuất
- Phân xưởng 1
- Phân xưởng 2
- Vùng nuôi nguyên liệu
- Nhà máy sản xuất thức ăn thủy sản

c) Các công ty con, Cty liên kết: không có



5. Định hướng phát triển

Các mục tiêu chủ yếu của Công ty:

Nuôi và chế biến Cá tra đã trở thành hiện tượng đột phá, đạt được nhiều thành tựu. Tuy nhiên, sau thời kỳ phát triển nóng, 5 năm gần đây, ngành cá tra đã gặp rất nhiều khó khăn, sản xuất và xuất khẩu chững lại, biến động theo chiều hướng xấu nhất trong vòng 20 năm qua.

Vấn đề lớn nhất của ngành cá tra là sự phát triển nhanh và tự phát dẫn đến tình trạng giá bán sụt giảm mạnh. Sự trì trệ kéo dài này khiến người nuôi và doanh nghiệp xuất khẩu cá tra bị thua lỗ, thiếu vốn để tiếp tục nuôi trồng khiến người nuôi bỏ ao, doanh nghiệp tìm mọi cách bán hàng ra để duy trì sản xuất, càng làm cho thị trường và giá Cá mất ổn định. Bên cạnh đó, uy tín chất lượng của sản phẩm Cá tra tại nhiều thị trường bị suy giảm mạnh, tỷ trọng sản phẩm có giá trị gia tăng rất thấp. Trước những khó khăn trên mục tiêu lớn nhất Cty vẫn là giữ vững hệ thống quản lý chất lượng, nâng cao sức cạnh tranh và đáp ứng yêu cầu của các thị trường trên thế giới. Giữ vững lượng khách hàng ổn định, nhằm duy trì hoạt động sản xuất kinh doanh, ổn định việc làm và thu nhập cho người lao động, đảm bảo quyền lợi Cổ đông.



Chiến lược phát triển trung và dài hạn:

- Kế hoạch sản xuất kinh doanh phải gắn chặt với nhu cầu thị trường; sử dụng vốn đạt hiệu quả cao nhất, tập trung nguồn lực cho sản xuất kinh doanh chính, không đầu tư ngoài ngành; tiết giảm chi phí sản xuất để giảm giá thành, nâng cao sức cạnh tranh.
- Cân đối cung cầu, sản xuất, chế biến và tiêu thụ. Sản xuất, chế biến phải dựa theo nhu cầu từng thị trường, tín hiệu thị trường, chú trọng chất lượng không chạy theo số lượng, xây dựng hình ảnh thương hiệu cho Cá Tra/Basa CL-Fish.
- Đa dạng hóa các sản phẩm, nâng cao tỷ lệ các mặt hàng có giá trị gia tăng.
- Đa dạng hóa thị trường, nhằm tránh rủi ro do việc tập trung quá nhiều vào một thị trường.

Các mục tiêu đối với môi trường, xã hội và cộng đồng của Công ty:

Hiểu rõ rằng thực hiện trách nhiệm bảo vệ môi trường, giảm thiểu các tác động gây ô nhiễm môi trường vừa là một trong những điều kiện phát triển bền vững, đồng thời cũng là cách để đáp ứng yêu cầu của khách hàng, Công ty luôn phấn đấu hướng đến công nghệ xanh, xây dựng cảnh quan môi trường sạch đẹp, áp dụng công nghệ tiết kiệm năng lượng, Cty đã đầu tư xây dựng hệ thống xử lý nước thải trên 5 tỷ đồng để bảo đảm nước thải đạt tiêu chuẩn A trước khi thải ra sông...

CL-Fish luôn quan tâm chăm lo cải thiện đời sống, thu nhập cho hơn 2.000 người lao động. Thực hiện tốt chế độ bảo hộ lao động, trang bị những kiến thức an toàn lao động gắn liền với phát triển sản xuất và tăng năng suất lao động. Công ty còn thường xuyên đào tạo, hướng dẫn quy trình quản lý tốt chất lượng, an toàn vệ sinh thực phẩm, sản phẩm theo đúng tiêu chuẩn, đáp ứng nhu cầu của thị trường.

Về mặt xã hội, CL-Fish luôn hoàn thành nghĩa vụ thuế với nhà nước cũng như đóng góp từ thiện hay xây dựng cộng đồng.





6. Các rủi ro

Nguyên nhân đầu tiên của những rủi ro mà cá tra và sản phẩm cá tra của Việt Nam gặp phải trong thời gian qua, chính là sự phát triển quá nhanh loại sản phẩm này. Tuy nhiên sự tăng trưởng cực nhanh này lại dẫn đến việc Cá tra Việt Nam vấp phải nhiều rào cản thương mại và bị cạnh tranh gay gắt ở nhiều thị trường quốc tế.

Những rủi ro với con cá tra ngoài yếu tố khách quan là sự cạnh tranh không lành mạnh của các cơ sở nhỏ lẻ trong nước do sự tăng trưởng quá nóng của Cá tra trong thời gian qua dẫn đến sự bùng nổ thiếu kiểm soát đối với mặt hàng này.

Yếu tố có ảnh hưởng lớn nhất là giá, bao gồm giá đầu vào và giá đầu ra. Hiện tượng phổ biến trên thị trường là giá các yếu tố đầu vào có xu hướng tăng liên tục, trong khi giá bán cá rất không ổn định, nhiều thời điểm xuống thấp dưới giá thành sản xuất.

Các yếu tố về chất lượng nguồn nước, bệnh cá, chất lượng giống, mưa bão, lũ lụt... đều có thể là nguyên nhân gây rủi ro cho sản xuất cá tra. Các yếu tố này có thể làm cho tỷ lệ chết của cá nuôi cao, nguồn nước bị nhiễm mặn hoặc phèn hoặc bị bẩn/đục, nguồn nước bị thiếu... làm gia tăng mức độ rủi ro cho hoạt động này, hậu quả là làm giảm sản lượng cá tra nuôi hoặc thậm chí bị mất toàn bộ sản lượng nếu mức độ rủi ro lớn...



II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM:

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh:

Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm: (Nêu các kết quả đạt được trong năm. Nêu những thay đổi, biến động lớn về chiến lược kinh doanh, doanh thu, lợi nhuận, chi phí, thị trường, sản phẩm, nguồn cung cấp...vvv)

a) Những yếu tố thuận lợi đối với hoạt động sản xuất kinh doanh:

- Ban lãnh đạo có nhiều năm kinh nghiệm, tâm huyết với nghề. Đội ngũ nhân viên trẻ, nhiệt tình, trình độ chuyên môn cao, nhiều năm gắn bó.
- Xây dựng được mạng lưới khách hàng ổn định. Giữ vững thị trường truyền thống và không ngừng phát triển sang thị trường mới, đặc biệt là thị trường Châu Mỹ, Mỹ.
- Có qui trình sản xuất khép kín toàn bộ chuỗi giá trị sản phẩm từ sản xuất thức ăn, nuôi trồng đến chế biến. Vùng nuôi lớn đáp ứng trên 60% nguyên liệu sản xuất, đạt chứng chỉ nuôi bền vững, có mối quan hệ tốt, uy tín với người nuôi... vì thế, nguồn nguyên liệu luôn ổn định.
- Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn quốc tế, đáp ứng được hầu hết những thị trường khó tính nhất.
- Đạt được thuế suất 0% vào Mỹ...

b) Những khó khăn ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh:

- Hàng rào bảo hộ của các thị trường nhập khẩu ngày càng gia tăng và khắt khe hơn. Thị trường lớn nhất năm 2013 của CL-Fish là Mỹ luôn tiềm ẩn rủi ro bị áp thuế chống bán phá giá.
- Môi trường ô nhiễm nặng nề, sản lượng nuôi bị giảm do cá bị bệnh cộng thêm giá Cá tra nguyên liệu liên tục giảm dưới giá nuôi...
- Sự cạnh tranh gay gắt giữa các đơn vị cùng ngành đẩy giá xuất khẩu liên tục giảm dưới giá thành sản xuất.
- Thị trường tiêu thụ giảm do khủng hoảng kinh tế.
- Tất cả các chi phí đầu vào (phí vận chuyển, điện, nước, xăng dầu...) tăng mạnh, nhưng giá xuất khẩu không tăng thậm chí giảm mạnh...

Tình hình thực hiện so với kế hoạch: (So sánh kết quả đạt được trong năm so với các chỉ tiêu kế hoạch và các chỉ tiêu năm liền kề. Phân tích cụ thể nguyên nhân dẫn đến việc không đạt/ đạt/vượt các chỉ tiêu so với kế hoạch và so với năm liền kề).

Năm Chỉ số	2012	Kế hoạch 2013	Thực tế 2013	% thực tế 2013	% thực tế 2013 so với 2012
Sản lượng xuất khẩu (tấn)	15.091	20.000	14.669	73,34%	97,2%
Doanh thu thuần (tỷ đồng)	1.032	1.261	987	78,27%	95,6%
Doanh thu xuất khẩu (triệu USD)	42,58	50	39,56	79,12%	92,9%
Lợi nhuận trước thuế (tỷ đồng)	17,41	40	5,46	13,65%	31,4%

❖ Nguyên nhân dẫn đến việc không hoàn thành kế hoạch năm:

Ngành cá tra Việt Nam đang trong giai đoạn khó khăn nhất trong vòng 20 năm qua, Những khó khăn kéo dài từ năm 2012 của ngành thủy sản như nguồn nguyên liệu thiếu hụt, thị trường xuất khẩu bị co hẹp, tín dụng bị siết chặt, chi phí đầu vào tăng mạnh, giá đầu ra giảm...khiến một số các Doanh nghiệp cùng ngành tuyên bố phá sản, một số khác thì đang hoạt động cầm chừng. Kết quả kinh doanh năm 2013 của hầu hết các Doanh nghiệp còn lại rất kém tích cực.

Vùng nuôi của Công ty đáp ứng hơn 60% nguyên liệu cho sản xuất, nhưng từ năm 2012 đến nay do giá Cá tra nguyên liệu liên tục giảm, nên các vùng nuôi của Công ty không đem lại lợi nhuận như các năm trước. Cộng thêm môi trường chăn nuôi bị ô nhiễm làm chất lượng cá bị giảm (do dịch bệnh) nên chi phí định mức nguyên liệu chế biến cũng tăng cao.

Cá tra Việt nam sau một thời gian tăng trưởng mạnh và quá nóng đã đồng nghĩa với việc thêm nhiều nhà máy chế biến thủy sản mới ra đời, ngay thời điểm cuộc khủng hoảng kinh tế vẫn tiếp tục kéo dài và chưa có dấu hiệu hồi phục làm thị trường tiêu thụ giảm, sự bùng nổ thiếu kiểm soát này đã dẫn đến cung vượt quá cầu, thiếu vốn hoạt động sản xuất các nhà máy đã đua nhau giảm giá để giành thị trường làm giá xuất khẩu giảm liên tục, bắt buộc Cty phải bán theo giá thị trường dù giá bán có dưới giá thành sản xuất.

Do giá trị xuất khẩu cá tra không ổn định, giá cả thay đổi liên tục nên khách hàng không dám đặt hàng nhiều như trước, cộng với việc phương thức thanh toán một số khách hàng không an toàn Cty cũng từ chối nhiều đơn hàng dẫn đến việc giảm lượng bán đáng kể.

Chi phí đầu vào như: Giá điện, nước, vật tư, bao bì, cước vận chuyển, thức ăn...gia tăng mạnh, trong khi chi phí đầu ra giảm làm hiệu quả kinh doanh giảm.

2. Tổ chức về nhân sự:

Danh sách Ban điều hành: (Danh sách, tóm tắt lý lịch và tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết và các chứng khoán khác do công ty phát hành của Tổng Giám đốc, các Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và các cán bộ quản lý khác)

a) Bà Trần Thị Vân Loan: Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám Đốc

- Giới tính: Nữ
- Ngày tháng năm sinh : 20/10/1971
- Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam
- Địa chỉ thường trú: 20/16 Nguyễn Bính, Khu phố Nam Quang (H29), Phường Tân Phong, Quận 7, Tp. HCM.
- Trình độ văn hóa: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế chuyên ngành Quản trị Kinh doanh
(Trường Đại học Kinh tế Tp HCM)
- Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết : 16,34%

b) Ông Trần Tuấn Khanh : Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám Đốc

- Giới tính: Nam

- Ngày tháng năm sinh: 30/4/1978
- Dân tộc: Kinh ; Quốc tịch : Việt Nam
- Địa chỉ thường trú : 70/6 Lê Triệu Kiết, Phường Mỹ Bình, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang
- Trình độ văn hóa : 12/12
- Trình độ chuyên môn: Quản trị Kinh doanh xuất nhập khẩu
- Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết: 5,87%

c) Bà Nguyễn Thị Hoàng Yến : Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám Đốc

- Giới tính : Nữ
- Ngày tháng năm sinh : 07/03/1984
- Dân tộc : Kinh ; Quốc tịch : Việt Nam
- Địa chỉ thường trú : 276 Khánh Hội, Phường 5, Quận 4, Tp HCM
- Trình độ văn hóa : 12/12
- Trình độ chuyên môn : Cử nhân chuyên ngành Quản lý nhân sự Trường Đại học La trobe (Australia).
- Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết: 0

d) Bà Nguyễn Thị Bích Vân: Kế toán trưởng

- Giới tính: Nữ
- Ngày tháng năm sinh: 20/03/1982
- Địa chỉ thường trú : Tổ 14, Ấp Vĩnh Phúc, TT Cái Dầu, Châu Phú An Giang
- Trình độ văn hóa: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Kế toán kiểm toán (Trường ĐH Kinh tế Tp HCM)
- Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết: 0,016%

Những thay đổi trong Ban điều hành:

Đại hội đồng cổ đông thường niên 2013 đã bầu lại Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát nhiệm kỳ mới 2013 - 2018, trong đó đảm bảo 1/3 số thành viên là thành viên Hội đồng quản trị độc lập.

1. Hội đồng quản trị:

- Bà Trần Thị Vân Loan: Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Tổng giám đốc
- Ông Trần Tuấn Khanh: Thành viên kiêm Phó Tổng giám đốc
- Bà Nguyễn Thị Hoàng Yến: Thành viên kiêm Phó Tổng giám đốc
- Ông Trần Văn Nhân: Thành viên
- Ông Nguyễn Ngọc Trang: Thành viên HĐQT độc lập

2. Ban kiểm soát:

- Bà Nguyễn Thị Lệ Quyên: Trưởng ban kiểm soát

- Ông Nguyễn Tấn Tới: Thành viên
- Bà Phạm Thị Hồng Ngọc: Thành viên

Số lượng Cán bộ Công nhân viên

+ **Số lượng Cán bộ Công nhân viên: 1.347 người**

+ **Chính sách đối với người lao động:**

- Trong nhiều năm qua CL-Fish luôn xây dựng tương lai trên nền tảng đảm bảo sự phát triển công bằng xã hội, đảm bảo quyền lợi nhân viên và sự đóng góp cho cộng đồng.
- Theo xu hướng tiến tới thành một công ty qui mô và vững vàng trong ngành sản xuất xuất khẩu, Công ty luôn luôn quan tâm đến quyền lợi của người lao động, bởi chính điều đó mang đến hiệu suất làm việc tối ưu nhất.
- Điều kiện làm việc tốt và an toàn là ưu tiên hàng đầu, nhằm tạo được cảm giác làm việc thoải mái và an tâm cho toàn thể công nhân và CB-CNV. Ngoài ra, Công ty cũng không ngừng hoàn thiện chính sách phúc lợi, tổ chức đào tạo sắp xếp nâng cao năng lực trình độ chuyên môn để mỗi thành viên của bộ máy sản xuất ngày càng gắn bó với sự phát triển chung của công ty, trở thành một phần không thể tách rời trên con đường xây dựng và duy trì thương hiệu của CLFISH trên toàn thế giới.

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án :

a) **Các khoản đầu tư lớn:** *(Nêu các khoản đầu tư lớn được thực hiện trong năm (bao gồm các khoản đầu tư tài chính và các khoản đầu tư dự án), tình hình thực hiện các dự án lớn. Đối với trường hợp công ty đã chào bán chứng khoán để thực hiện các dự án, cần nêu rõ tiến độ thực hiện các dự án này và phân tích nguyên nhân dẫn đến việc đạt/không đạt tiến độ đã công bố và cam kết).*

- Khoản đầu tư cổ phiếu tại Công ty Cổ phần Tô Châu theo hợp đồng mua cổ phiếu 01/2008/CLAG ngày 02/02/2008 với số lượng 1.000.000 cổ phiếu tương đương 10%VĐL, mệnh giá 10.000 đ/CP. Theo công văn số 83/CLAG/08 ngày 27/05/2008 về việc ngưng góp vốn thêm thì Công ty CP XNK Thủy Sản Cửu Long An Giang chỉ mua 300.000 cổ phiếu, với giá mua 12.000 đ/CP.

b) **Các công ty con, công ty liên kết:** Không có

4. Tình hình tài chính :

a) **Tình hình tài chính :**

Chỉ tiêu	Năm 2012	Năm 2013	% tăng/ giảm
Tổng giá trị tài sản	831.752.811.317	718.956.641.775	(13,6)%
Doanh thu thuần	1.032.194.837.449	987.211.658.990	(4,4%)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	17.705.244.825	5.634985.907	(68%)
Lợi nhuận khác	(293.171.571)	(176.313.217)	(39,9%)

Lợi nhuận trước thuế	17.412.073.254	5.458672.690	(68,7%)
Lợi nhuận sau thuế	15.114.034.870	5.1482.170772	(66%)
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	821	280	(65,9%)

b) Các chỉ tiêu khác (tùy theo đặc điểm riêng của ngành, của công ty để làm rõ kết quả hoạt động kinh doanh trong hai năm gần nhất): Không có

c) Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:

Chỉ tiêu	Năm 2012	Năm 2013	Ghi chú
<i>Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</i>			
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn: TSLĐ/Nợ ngắn hạn	1,11	1,07	
+ Hệ số thanh toán nhanh: <u>TSLĐ - Hàng tồn kho</u> Nợ ngắn hạn	0,47	0,62	
<i>Chỉ tiêu về cơ cấu vốn</i>			
+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản	0,67	0,63	
+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	2,02	1,67	
<i>Chỉ tiêu về năng lực hoạt động</i>			
+ Vòng quay hàng tồn kho: <u>Giá vốn hàng bán</u> Hàng tồn kho bình quân	2,99	3,08	
+ Doanh thu thuần/Tổng tài sản	1,24	1,37	
<i>Chỉ tiêu về khả năng sinh lời</i>			
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	1,46%	0,52%	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	5,49%	1,91%	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	1,82%	0,72%	
+ Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	1,72%	0,57%	

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

- a) Cổ phần:** (Nêu tổng số cổ phần và loại cổ phần đang lưu hành, số lượng cổ phần chuyển nhượng tự do và số lượng cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định của pháp luật, Điều lệ công ty hay cam kết của người sở hữu. Trường hợp công ty có chứng khoán giao dịch tại nước ngoài hay bảo trợ việc phát hành và niêm yết chứng khoán tại nước ngoài, cần nêu rõ thị trường giao dịch, số lượng chứng khoán được giao dịch hay được bảo trợ và các thông tin quan trọng liên quan đến quyền, nghĩa vụ của công ty liên quan đến chứng khoán giao dịch hoặc được bảo trợ tại nước ngoài).
- Số lượng cổ phần đã phát hành: 18.399.675 cổ phần
 - Số lượng cổ phần được mua lại: 0 Cổ phần
 - Số lượng cổ phần đang lưu hành: 18.399.675 cổ phần
 - Số lượng cổ phần chuyển nhượng tự do: 18.374.175 cổ phần
 - Số cổ phần hạn chế chuyển nhượng: 25.500 Cổ phần
- b) Cơ cấu cổ đông:** (Nêu cơ cấu cổ đông phân theo các tiêu chí tỷ lệ sở hữu (cổ đông lớn, cổ đông nhỏ); cổ đông tổ chức và cổ đông cá nhân; cổ đông trong nước và cổ đông nước ngoài, cổ đông nhà nước và các cổ đông khác).

Chỉ tiêu	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ %
- Cổ đông lớn và Cổ đông nhỏ	18,399,675	100%
+ Cổ đông lớn:	9,348,626	51%
+ Cổ đông nhỏ:	9,051,049	49%
- Cổ đông tổ chức và cổ đông cá nhân:	18,399,675	100%
+ Cổ đông tổ chức:	919,430	5%
+ Cổ đông cá nhân:	17,480,245	95%
- Cổ đông trong nước và Cổ đông ngoài nước:	18,399,675	100%
+ Cổ đông trong nước:	17,459,284	95%
+ Cổ đông ngoài nước:	940,391	5%
- Cổ đông Nhà nước và cổ đông khác:		
+ Cổ đông nhà nước		
+ Cổ đông khác		

- c) Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:** Nêu các đợt tăng vốn cổ phần trong năm bao gồm các đợt chào bán ra công chúng, chào bán riêng lẻ, chuyển đổi trái phiếu, chuyển đổi chứng quyền, phát hành cổ phiếu thưởng, trả cổ tức bằng cổ phiếu...vvv thành cổ phần):

Không có

d) **Giao dịch cổ phiếu quỹ:** (Nêu số lượng cổ phiếu quỹ hiện tại, liệt kê các giao dịch cổ phiếu quỹ đã thực hiện trong năm bao gồm thời điểm thực hiện giao dịch, giá giao dịch và đối tượng giao dịch): **Không có**

e) **Các chứng khoán khác:** (Nêu các đợt phát hành chứng khoán khác đã thực hiện trong năm. Nêu số lượng, đặc điểm các loại chứng khoán khác hiện đang lưu hành và các cam kết chưa thực hiện của công ty với cá nhân, tổ chức khác (bao gồm cán bộ công nhân viên, người quản lý của công ty) liên quan đến việc phát hành chứng khoán.): **Không có**

III. BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC (Ban giám đốc báo cáo và đánh giá về tình hình mọi mặt của Công ty):

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh:

a) **Phân tích tổng quan về hoạt động của công ty so với kế hoạch/dự tính và các kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trước đây** (Trường hợp kết quả sản xuất kinh doanh không đạt kế hoạch thì nêu rõ nguyên nhân và trách nhiệm của Ban Giám đốc đối với việc không hoàn thành kế hoạch sản xuất kinh doanh (nếu có)).

Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2013:

Năm Chỉ số	Kế hoạch 2013	Thực hiện 2013	% thực hiện 2013
Sản lượng xuất khẩu (tấn)	20.000	14.669	73.34%
Doanh thu thuần (tỷ đồng)	1.261	987	78.27%
Doanh thu xuất khẩu (triệu USD)	50	39,56	79,12%
Lợi nhuận trước thuế (tỷ đồng)	40	5,46	13,65%

Cty CP XNK Thủy Sản Cửu Long An Giang năm 2013 đã đạt được mục tiêu chủ yếu là vẫn duy trì được hoạt động sản xuất kinh doanh. Tuy nhiên, lợi nhuận năm 2013 giảm mạnh do nhiều yếu tố:

Ngành cá tra Việt Nam đang trong giai đoạn khó khăn nhất trong vòng 20 năm qua, Những khó khăn kéo dài từ năm 2012 của ngành thủy sản, những tồn tại của ngành hàng cá tra, tuy không còn mới nhưng vẫn chưa giải quyết được như: chất lượng con giống, sản phẩm, tình trạng ô nhiễm môi trường nước làm gia tăng dịch bệnh, nguồn nguyên liệu thiếu hụt hiệu quả sản xuất thấp, lợi nhuận giữa doanh nghiệp và người dân chưa tương xứng, sự cạnh tranh không lành mạnh giữa các doanh nghiệp, thị trường xuất khẩu bị co hẹp, các rào cản thương mại, tín dụng bị siết chặt, nguồn vốn chưa được giải quyết một cách căn bản, liên kết sản xuất thiếu chặt chẽ, chi phí đầu vào tăng mạnh, giá đầu ra giảm... đã ảnh hưởng trực tiếp đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, khiến một số các Doanh nghiệp cùng ngành tuyên bố phá sản, một số khác thì đang hoạt động cầm chừng. Kết quả kinh doanh năm 2013 của hầu hết các Doanh nghiệp còn lại rất kém tích cực.

Trong điều kiện hết sức khó khăn như trên, Ban Giám đốc đã tìm mọi biện pháp cắt giảm chi phí, tăng cường công tác quản lý, hạn chế tối đa các chi phí phát sinh cho phù hợp với tình hình thị trường, Mục đích vẫn là duy trì hoạt động sản xuất kinh doanh, ổn định đời sống CB-CNV nhà máy, vượt qua khó khăn chờ đợi thời cơ phát triển.

b) Những tiến bộ Cty đã đạt được:

- Tháng 04/2013 Nhà máy chế biến thức ăn thủy sản Cty CP XNK Thủy sản Cửu Long An Giang đi vào hoạt động. Hoàn chỉnh qui trình sản xuất khép kín hướng tới mục tiêu phát triển bền vững.
- Vùng nuôi đạt Đạt chứng nhận thực hành nuôi trồng thủy sản tốt nhất (tiêu chuẩn Bap-Best Aquaculture Practice) với cấp độ “2 sao” cho nhà máy chế biến và vùng nuôi do GAA (liên minh thủy sản toàn cầu) cấp. Đây là tiêu chuẩn được sự chọn lựa của rất nhiều nhà phân phối bán lẻ ở Mỹ.
- Tháng 07/2013 Công ty đạt chứng nhận ASC. ASC là sự xác nhận cấp quốc tế đối với thủy sản được nuôi có trách nhiệm, giảm thiểu tối đa tác động xấu lên môi trường, hệ sinh thái, cộng đồng dân cư và đảm bảo tốt các quy định về lao động.

2. Tình hình tài chính:

a) Tình hình tài sản:

$$\begin{aligned}\text{Vòng quay tài sản} &= \text{Doanh thu thuần/Tổng tài sản bình quân} \\ &= 1,27\end{aligned}$$

(Vòng quay đạt 1.27 vòng có nghĩa là 1,27 đồng doanh thu được tạo ra từ 1 đồng vốn).

$$\begin{aligned}\text{Hiệu quả sử dụng tài sản} &= (\text{Lợi nhuận sau thuế/tổng tài sản bình quân}) \times 100 \\ \text{ROA} &= 0,66\%\end{aligned}$$

Tỷ số cho biết hiệu quả quản lý và sử dụng tài sản để tạo ra thu nhập của Doanh nghiệp, tỷ số này bé hơn 0 có nghĩa Cty hoạt động không có lãi.

b) Tình hình nợ phải trả:

– Tình hình nợ hiện tại, biến động lớn về các khoản nợ:

Công ty thường xuyên theo dõi các yêu cầu về thanh toán hiện tại và dự kiến trong tương lai để duy trì một lượng tiền cũng như các khoản vay ở mức phù hợp, giám sát các luồng tiền phát sinh thực tế với dự kiến nhằm giảm thiểu ảnh hưởng do biến động của luồng tiền.

Hiện tại mức độ rủi ro đối với việc trả nợ là vừa phải. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn. Do đó, không có biến động nào lớn về công nợ phải trả.

- **Phân tích nợ phải trả xấu, ảnh hưởng chênh lệch của tỉ lệ giá hối đoái đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty, ảnh hưởng chênh lệch lãi vay: không có**

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý:

Trong thời gian dài, nền kinh tế dù gặp rất nhiều khó khăn, nhưng CL-Fish vẫn ổn định và duy trì được hoạt động sản xuất kinh doanh.

Ngay từ ngày đầu đi vào hoạt động Cty luôn đặt con người là nhân tố ảnh hưởng trực tiếp tới việc hình thành, phát triển và tồn tại của Doanh nghiệp. Để người lao động có thể phát huy hết năng lực sáng tạo của mình Cty đã sắp xếp bộ máy nhân sự đơn giản tinh gọn dựa trên sự phân chia nhiệm vụ rõ ràng. Tạo sự cân xứng giữa nhiệm vụ, trách nhiệm, quyền lực và lợi ích của Người lao động.

Cty đã xây dựng hệ thống lương được xác lập dựa trên trách nhiệm, mức độ phức tạp công việc đảm nhận (*Đảm bảo tính công bằng*), có thể thu hút, khuyến khích và phù hợp với thị trường lao động (*đảm bảo tính cạnh tranh*). Chính sách, quy định trả lương, thưởng minh bạch, rõ ràng, gắn với hiệu quả thực hiện công việc của từng cá nhân và của cả tổ chức (*Đảm bảo tính Hệ thống*). Vì thế, luôn thu hút được nhiều nhân tài cũng như giữ được người lao động gắn bó lâu dài với nhà máy.

Duy trì hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn quốc tế, đạt tiêu chuẩn cao về vệ sinh an toàn thực phẩm từ con giống, thức ăn, nuôi trồng và chế biến xuất khẩu theo hướng tối ưu hóa qui trình sản xuất khép kín.

4. Kế hoạch phát triển trong tương lai:

1. Kế hoạch đầu tư phát triển hoạt động sản xuất:

- Tình trạng khan hiếm nguyên liệu khiến nhiều nhà máy chế biến cá tra ở ĐBSCL hoạt động đình trệ, công suất giảm tới 50%. Chỉ rất ít doanh nghiệp có vùng nuôi, tự chủ động được nguyên liệu mới có khả năng duy trì sản xuất. CL-Fish với lợi thế có mô hình sản xuất theo chuỗi khép kín có nhiều ưu điểm như tiết kiệm chi phí, kiểm soát được chất lượng sản phẩm cuối cùng... kế hoạch 2014 tiếp tục phát huy lợi thế sẵn có trong sản xuất để nâng cao sức cạnh tranh trong ngành.
- Thêm một mặt tích cực của CL-Fish trong năm 2014 là những Doanh nghiệp yếu kém, có giải pháp kinh doanh thiếu bền vững đã dần rút lui, chỉ còn lại những doanh nghiệp thật sự ổn định, có vốn, có thị trường... những thành phần chủ lực của ngành cá tra mới có thể tồn tại. Đây là cơ hội để CL-Fish vươn lên phát triển mạnh mẽ.
- Đảm bảo chất lượng sản phẩm là hướng đi bền vững mà CL-Fish đã theo đuổi trong nhiều năm nay. CL-Fish đã lấy được các chứng nhận chất lượng khắt khe như bộ tiêu chuẩn BAP mà hiện nay Mỹ đang áp dụng để quản lý việc nhập khẩu Cá tra Việt Nam. Ngoài BAP, CL-FISH còn đáp ứng được các tiêu chuẩn của châu Âu như ASC, GlobalGAP và tiêu chuẩn toàn cầu về an toàn thực phẩm (BRC) của Anh Quốc. ..đã đáp ứng đầy đủ các bộ tiêu chuẩn của Thế Giới nên dù luật Farm Bill có ra đời cũng không gây ảnh hưởng nhiều đến hoạt động Cty. Vì thế, năm 2014 Cty vẫn tiếp tục duy trì hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn quốc tế, đạt tiêu chuẩn cao về vệ sinh an toàn thực phẩm từ con giống, thức ăn, nuôi trồng và chế biến xuất khẩu theo hướng tối ưu hóa qui trình sản xuất khép kín.

2. Kế hoạch phát triển thị trường như sau:

- Tiếp tục duy trì mạng lưới khách hàng truyền thống mà CL-Fish xây dựng trong các năm qua.

- Năm 2014 tiếp tục là năm khó khăn của ngành Cá tra, không chỉ khó khăn của năm 2013 chuyển sang mà còn có những khó khăn mới như việc xem xét hành chính POR và tới đây là POR 9, Đạo luật Nông nghiệp Hoa Kỳ (Farmbill).
- Thực tế, cá tra Việt Nam luôn đảm bảo các tiêu chuẩn kỹ thuật song ở một vài khâu, một vài doanh nghiệp đã có vấn đề xuất phát từ nguyên liệu, chế biến đến xuất khẩu. Điều quan trọng là vấn đề xảy ra đối với từng doanh nghiệp, từng lô hàng khác nhau, vì thế không thể từ việc này mà có thể quy kết cho cả hệ thống, vì với các thị trường khó tính khác, cá tra Việt Nam vẫn được công nhận là đạt yêu cầu và được tiêu thụ mạnh. Năm 2014 CL-Fish ngoài việc duy trì thị trường truyền thống là Trung Đông, Cty tiếp tục đẩy mạnh sang Nam Mỹ (Mexico, Brazil...), Châu á (Hồng Kông, Malaysia, Philipin...).
- Liên bang Nga gồm 83 bang với 150 triệu dân sẽ vẫn là một trong những thị trường nhập khẩu cá tra trọng điểm của Việt Nam trong tương lai. Trong bối cảnh con cá tra Việt Nam vẫn liên tục bị các thị trường "vây hãm" bằng các hàng rào vệ sinh an toàn thực phẩm, thuế chống bán phá giá của Mỹ... thì thị trường Nga là lối thoát tốt nhất cho CL-Fish năm 2014 để thay thế Mỹ.
- Do những lợi thế về mặt giá trị dinh dưỡng, tốt cho sức khỏe, giá cả cạnh tranh cao... Cá tra Việt Nam vẫn tiếp tục được gia tăng nhu cầu tại các thị trường trên thế giới. Nhiều cơ hội vẫn đang rộng mở, nhưng nắm bắt được hay không lại ở chính những người sản xuất, các doanh nghiệp xuất khẩu Cá tra.

5. Giải trình của Ban Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán (nếu có)- *(Trường hợp ý kiến kiểm toán không phải là ý kiến chấp thuận toàn phần):* **Không có**

IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty:

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty:

- Trong điều kiện nền kinh tế trong nước và thế giới có nhiều bất ổn Ngành cá tra Việt Nam đang trong giai đoạn khó khăn nhất trong vòng 20 năm qua, Những khó khăn kéo dài từ năm 2012 của ngành thủy sản như nguồn nguyên liệu thiếu hụt, thị trường xuất khẩu bị co hẹp, tín dụng bị siết chặt, chi phí đầu vào tăng mạnh, giá đầu ra giảm... khiến một số các Doanh nghiệp cùng ngành tuyên bố phá sản, một số khác thì đang hoạt động cầm chừng. Kết quả kinh doanh năm 2013 của hầu hết các Doanh nghiệp còn lại rất kém tích cực. Tình hình kết quả sản xuất kinh doanh của CL-FISH năm 2013 đã không đạt kế hoạch đề ra cụ thể Doanh thu đạt 78,27%; Lợi nhuận đạt 13,65% nhưng đã thể hiện sự cố gắng rất lớn của Ban Tổng Giám Đốc.
- Cty vẫn duy trì tốt hoạt động sản xuất kinh doanh và hoàn thiện hệ thống quản lý an toàn vệ sinh thực phẩm theo tiêu chuẩn quản lý chất lượng quốc tế ISO 9001; ISO 22000; BRC và IFS Phiên bản 6; Global Gap, BAP...
- Cty vẫn ổn định đảm bảo đời sống CB-CNV, hoàn thành nghĩa vụ nộp ngân sách đầy đủ, đóng bảo hiểm xã hội, y tế, thất nghiệp, bảo hiểm tai nạn cho người lao động... Trong bối cảnh khó khăn năm 2013, những thành quả đã đạt được như trên là rất đáng trân trọng nhờ sự nỗ lực chung của Ban điều hành và toàn thể CB-CNV nhà máy.

2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc công ty:

Tổng giám đốc điều hành là thành viên Hội đồng quản trị nên việc thực thi các nghị quyết của Hội đồng quản trị luôn được triển khai nhanh chóng, thuận lợi. Năm

2013 vẫn tiếp tục năm gặp khó đối với ngành xuất khẩu Cá tra. Vì thế, Ban giám đốc luôn đặt trọng tâm kiểm soát chi phí và sử dụng tối đa nguồn nhân lực, giữ vững lượng khách hàng.

Nhân sự: Tổng giám đốc đã xây dựng được đội ngũ cán bộ lãnh đạo, CB-CNV đoàn kết gắn bó, có năng lực chuyên môn giỏi, có ý thức trách nhiệm và hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao. Tổng giám đốc mạnh dạn tổ chức lại nhân sự tại các bộ phận trực thuộc, tập trung mọi nguồn lực cho sản xuất kinh doanh, chấn chỉnh lại cung cách quản lý...

Tình hình sản xuất: Công ty hiện đang sở hữu hệ thống sản xuất cá tra khép kín từ sản xuất thức ăn thủy sản, vùng nuôi đến nhà máy chế biến đạt các chứng nhận quốc tế. Công tác nuôi trồng và thu mua nguyên liệu linh hoạt và kịp thời, đáp ứng được nhu cầu sản xuất. Định mức chế biến ngày cải thiện tốt hơn do những nỗ lực từ khâu chất lượng thức ăn, chất lượng nuôi, chất lượng cá nguyên liệu và cải tiến trong sản xuất chế biến.

Công tác bán hàng: giữ được mối quan hệ tốt đẹp với các khách hàng truyền thống và không ngừng mở rộng, tích cực tìm kiếm các khách hàng tiềm năng. Chính sách bán hàng linh hoạt và đảm bảo được tính an toàn.

Vì thế, Mặc dù không đạt kế hoạch đề ra, nhưng Ban Giám đốc cố gắng hết sức trong việc giữ vững được thị trường, giữ được khách hàng truyền thống và không ngừng gia tăng khách hàng mới dù sản lượng xuất khẩu có giảm. Đạt được chứng chỉ nuôi bền vững cho Vùng nuôi và nhà máy, đã đầu tư và khai thác vùng nuôi một cách có hiệu quả nhất, đưa nhà máy thức ăn đi vào hoạt động đúng tiến độ, giảm giá thành sản phẩm tạo sức cạnh tranh với các Cty cùng ngành...

3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị:

Căn cứ vào tình hình ngành cá, những khó khăn hiện tại, Hội đồng quản trị đặt ra nhiệm vụ trọng tâm năm 2014:

Cân đối cung cầu, sản xuất, chế biến và tiêu thụ. Sản xuất, chế biến phải dựa theo nhu cầu từng thị trường, tín hiệu thị trường, không nên đón đầu chạy theo số lượng.

Công ty định hướng đầu tư chiều sâu cho con cá tra và mở rộng phạm vi kinh doanh ở những lĩnh vực có liên quan và hỗ trợ lẫn nhau với ngành chế biến thủy sản đồng thời chú trọng đến việc tối ưu hóa giá trị của các sản phẩm phụ từ cá tra.

Nỗ lực trong việc tự chủ nguồn nguyên vật liệu, hạ thấp tỷ lệ chế biến. Đẩy mạnh công tác nghiên cứu phát triển chất lượng dinh dưỡng thức ăn cho cá nhằm cải tiến chất lượng cá tự nuôi. Áp dụng các biện pháp quản lý chất lượng từ khâu nuôi trồng cho đến chế biến theo các tiêu chuẩn quốc tế định hướng phát triển bền vững. Tiêu chuẩn hoá chất lượng trong toàn Công ty; tập trung nguồn lực cho sản xuất kinh doanh chính, không đầu tư ngoài ngành.

Có chiến lược phát triển thị trường đa dạng hơn, nhằm tránh rủi ro tập trung vào một hoặc một vài thị trường khách hàng nhất định. Gia tăng tỷ trọng hàng giá trị gia tăng và hàng có chứng nhận đối với mặt hàng cá tra.

xây dựng đào tạo đội ngũ cán bộ quản lý giỏi về chuyên môn, với số lượng và chất lượng phù hợp với cơ cấu quản lý công ty tùy từng thời kỳ.

V. Quản trị công ty *(Tổ chức chào bán trái phiếu ra công chúng hoặc niêm yết trái phiếu không phải là công ty đại chúng không bắt buộc phải công bố các thông tin tại Mục này).*

1. Hội đồng quản trị:

a) Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị: (danh sách thành viên Hội đồng quản trị, tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết và các chứng khoán khác do công ty phát hành, nêu rõ thành viên độc lập, thành viên không điều hành và các thành viên khác; số lượng chức danh thành viên hội đồng quản trị do từng thành viên Hội đồng quản trị của công ty nắm giữ tại các công ty khác).

Stt	Họ và tên	Chức vụ	Tỷ lệ %	Ghi chú
1	TRẦN THỊ VÂN LOAN	Chủ Tịch HĐQT	16,34%	
2	TRẦN TUẤN KHANH	Thành Viên HĐQT	5,87%	
3	NGUYỄN THỊ HOÀNG YẾN	Thành Viên HĐQT	0	
4	TRẦN VĂN NHÂN	Thành Viên HĐQT	5,72%	Không điều hành
5	NGUYỄN NGỌC TRANG	Thành Viên HĐQT	0	Không điều hành

b) Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị: (Liệt kê các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị và thành viên trong từng tiểu ban): **không có**

c) Hoạt động của Hội đồng quản trị: đánh giá hoạt động của Hội đồng quản trị, nêu cụ thể số lượng các cuộc họp Hội đồng quản trị, nội dung và kết quả của các cuộc họp.

STT	Số nghị quyết	Ngày	Nội dung
1	01/NQ-HĐQT/CLAG/2013	28/02/2013	- V/v Tổ chức Đại hội cổ đông thường niên năm 2013
2	02/NQ- HĐQT/CLAG/2013	02/03/2013	- V/v dời ngày tổ chức Đại Hội cổ đông thường niên năm 2013 và chia cổ tức năm 2012.
3	03/NQ- HĐQT/CLAG/2013	27/03/2013	- V/v Bổ nhiệm Bà Nguyễn Thị Hoàng Yến giữ chức vụ Phó Tổng giám đốc.
4	04/NQ-ĐHĐCĐ/CLAG/2013	16/04/2013	- NQ Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2013.
5	07/ NQ-ĐHĐCĐ/CLAG/2013	18/10/2013	- V/v điều chỉnh loại chứng khoán của người sở hữu chứng khoán và thu hồi cổ phiếu làm CP quỹ.

Năm 2013, HĐQT có 5 cuộc họp và ban hành 5 nghị quyết về các vấn đề: chia cổ tức năm 2012, tổ chức Đại hội Cổ đông thường niên 2013, Bổ nhiệm Phó Tổng giám đốc...Ngoài ra HĐQT còn phối hợp với Ban Tổng giám đốc Công ty về đưa nhà máy thức ăn đi vào hoạt động nhằm hoàn chỉnh mô hình sản xuất khép kín, tu bổ sửa chữa nhà xưởng, Vùng nuôi, tình hình sản xuất, kinh doanh...nhằm đề ra các giải pháp cấp thiết giải quyết các vấn đề của Công ty do sự bất ổn của nền kinh tế thị trường.

Giám sát công tác điều hành quản lý, sắp xếp cơ cấu tổ chức nhân sự theo hướng tinh gọn nhưng có hiệu quả cùng với định mức, đơn giá tiền lương hợp lý.

Giám sát, điều hành công việc kinh doanh, đầu tư có hiệu quả việc nâng cao năng lực sản xuất, nuôi trồng và chế biến xuất khẩu của Cty...

Vì thế, mặc dù còn nhiều khó khăn, không hoàn thành kế hoạch đề ra nhưng Cty ổn định sản xuất kinh doanh, được đánh giá là Cty có nguồn tài chính vững mạnh, có mối quan hệ tốt với các Sở ban ngành, các Ngân hàng, người nuôi, uy tín trên thị trường...vẫn đảm bảo đời sống CB-CNV. Có lực lượng lao động ổn định đáp ứng được nhu cầu sản xuất và đang chờ cơ hội để vươn lên phát triển mạnh mẽ.

d) Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập không điều hành:

02 thành viên HĐQT không điều hành, trong đó đảm bảo 1/3 số thành viên là thành viên Hội đồng quản trị độc lập có nhiệm vụ và chức năng theo quy định của Luật doanh nghiệp, Điều lệ Cty và sự phân công trong HĐQT. Ngoài ra các Thành viên HĐQT không điều hành là những cố vấn cao cấp của Cty trong hoạt động sản xuất kinh doanh thường nhật, những chuyên gia về lĩnh vực nuôi trồng thủy sản.

e) Hoạt động của các tiểu ban trong Hội đồng quản trị: (đánh giá hoạt động của các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị, nêu cụ thể số lượng các cuộc họp của từng tiểu ban, nội dung và kết quả của các cuộc họp): **Không có**

f) Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty. Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị tham gia các chương trình về quản trị công ty trong năm.

HĐQT có năm thành viên, Ba thành viên điều hành có 01 thành viên là Cử nhân kinh tế chuyên ngành Quản trị Kinh doanh ; 01 thành viên chuyên ngành Quản trị Kinh doanh xuất nhập khẩu; 01 thành viên là cử nhân chuyên ngành Quản lý nhân sự Trường Đại học La trobe (Australia).

Hai thành viên không điều hành 01 thành viên là người hơn 20 năm kinh nghiệm trong việc nuôi trồng, chế biến thủy sản. 01 thành viên là quản lý cấp cao của các Cty nước ngoài tại Việt nam.

2. Ban Kiểm soát:

a) Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát: (danh sách thành viên Ban kiểm soát, tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết và các chứng khoán khác do công ty phát hành).

Stt	Họ và tên	Chức vụ	Tỷ lệ %	Ghi chú
1	Nguyễn Thị Lệ Quyên	Trưởng Ban kiểm soát	0.0016%	
2	Phạm Thị Hồng Ngọc	Thành viên BKS	0.016%	
3	Nguyễn Tấn Tới	Thành viên BKS	0.01%	

b) Hoạt động của Ban kiểm soát: (đánh giá hoạt động của Ban kiểm soát, nêu cụ thể số lượng các cuộc họp của Ban kiểm soát, nội dung và kết quả của các cuộc họp).

Ban kiểm soát luôn phối hợp với HĐQT và Ban Tổng giám đốc trên tinh thần hợp tác và tôn trọng lẫn nhau trên cơ sở đảm bảo lợi ích cao nhất của Công ty. Như tham gia vào các cuộc họp của Hội đồng quản trị, đóng góp ý kiến về các kế hoạch, các giải pháp phát triển kinh doanh, kiểm tra báo cáo tài chính quý, năm...

Phối hợp HĐQT về việc tổ chức điều hành Công ty theo đúng chức năng nhiệm vụ quyền hạn theo qui định của pháp luật và điều lệ.

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát:

a) Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích: *(Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích khác và chi phí cho từng thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý. Giá trị các khoản thù lao, lợi ích và chi phí này phải được công bố chi tiết cho từng người, ghi rõ số tiền cụ thể. Các khoản lợi ích phi vật chất hoặc các khoản lợi ích chưa thể/không thể lượng hoá bằng tiền cần được liệt kê và giải trình đầy đủ).*

STT	Họ và Tên	Chức vụ	Tiền lương	Phụ cấp trách nhiệm	Tổng cộng
1	Trần Văn Nhân	TV. HĐQT (Cố vấn cao cấp)	201,812,000	120,000,000	321,812,000
2	Trần Thị Vân Loan	Chủ Tịch HĐQT kiêm Tổng Giám Đốc	564.164.000	220.000.000	784.164.000
3	Trần Tuấn Khanh	TV. HĐQT kiêm Phó Tổng giám đốc	130.812.000	120.000.000	250.812.000
4	Nguyễn Thị Hoàng Yên	TV. HĐQT kiêm Phó Tổng giám đốc	115.715.384	48.000.000	163.715.384
5	Nguyễn Ngọc Trang	TV. HĐQT Độc lập	0	0	0
6	Nguyễn Thị Lệ Quyên	Trưởng ban kiểm soát	40.857.000	7.000.000	47.857.000
7	Nguyễn Tấn Tới	TV. BKS	72.040.000	36.000.000	108.040.000
8	Phạm Thị Hồng Ngọc	TV.BKS	129.200.000	36.000.000	165.200.000

Ghi chú: Ngoài lương và phụ cấp trách nhiệm theo công việc, Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát không nhận khoản thù lao hay lợi ích nào khác từ Công ty.

b) Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ: *(Thông tin về các giao dịch cổ phiếu của các thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc (Tổng Giám đốc), Kế toán trưởng, các cán bộ quản lý, Thư ký công ty, cổ đông lớn và những người liên quan tới các đối tượng nói trên): Không có*

c) Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ: *(Thông tin về hợp đồng, hoặc giao dịch đã được ký kết hoặc đã được thực hiện trong năm với công ty, các công ty con, các công ty mà công ty nắm quyền kiểm soát của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc (Tổng Giám đốc), các cán bộ quản lý và những người liên quan tới các đối tượng nói trên): Không có*

- d) **Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty:** (Nêu rõ những nội dung chưa thực hiện được theo quy định của pháp luật về quản trị công ty. Nguyên nhân, giải pháp và kế hoạch khắc phục/kế hoạch tăng cường hiệu quả trong hoạt động quản trị công ty).

Công ty luôn chấp hành các quy định về quản trị Công ty theo đúng qui định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

VI. Báo cáo tài chính: (Theo file đính kèm)

ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY



TỔNG GIÁM ĐỐC
Trần Thị Vân Loan